

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,58 ha)
tại xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
của Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Lộc Hà**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3291/STNMT-CCBVMT ngày 16/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,58 ha) tại xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn của Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Lộc Hà;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,58 ha) tại xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 16/CV-LH ngày 21/02/2023 của Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Lộc Hà;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 178/TTr-STNMT ngày 02/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp, diện tích 3,58 ha (Sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Lộc Hà (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Thuận;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 3,58 HA)
TẠI XÃ TÂY THUẬN, HUYỆN TÂY SƠN
CỦA CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LỘC HÀ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,58 ha) tại xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Địa điểm thực hiện: xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Lộc Hà.
- Địa chỉ liên hệ: thôn 1, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0256.3700779

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 3,58 ha.
- Thời hạn khai thác: 03 năm.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Trữ lượng, công suất được phép khai thác: Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh là 195.933m³ đất địa chất. Trữ lượng huy động vào khai thác 177.124 m³ đất địa chất. Công suất khai thác hàng năm như sau:
 - + Năm thứ nhất: 57.124 m³ đất địa chất/năm.
 - + Năm thứ 2, thứ 3: 60.000 m³ đất địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác: chia diện tích mỏ đất làm 03 khoảng, thực hiện khai thác và phục hồi môi trường theo trình tự lần lượt từng khoảng (riêng phần diện tích khoảng 2.973 m² phía Tây dự án, gần Trường Tiểu học Tây Thuận sẽ thực hiện khai thác vào mùa hè, thời điểm học sinh nghỉ học). Mở vỉa tại cao độ cos +80m phía Tây Nam khu mỏ (gần điểm góc số 5), khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, chiều cao khai thác trung bình 5,3 m. Kết thúc khai thác, địa hình mỏ thoải dần từ độ cao +74m đến +59m (mức sâu nhất theo bình đồ phân khối trữ lượng ban hành kèm theo Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh) theo hướng từ Tây Nam sang Đông Bắc. Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: 03 hố giảm tốc (phía Tây Bắc, Đông Nam và Đông Bắc), hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.
- Tuyến đường tạm trong mỏ (đường đất) dài khoảng 265 m.
- Mương rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ, kích thước: dài 4,0 m x rộng 3,0 m x sâu 0,5 m.
- Khu vực phụ trợ phía Tây Bắc (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 1.743 m² để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích 2,89 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,72 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 5.270 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 5,0 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình thực hiện san lấp.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 4,8 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, ảnh hưởng đến Trường Tiểu học Tây Thuận cách dự án khoảng 50 m phía Tây Nam và khu nghĩa địa cách dự án khoảng 30 m phía Bắc, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mô chiều dài khoảng 552 m (kích thước: rộng 2,0 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường trong mô có chiều dài 265 m (kích thước: rộng 1,0 m x sâu 0,5 m) và mương dẫn nước sau xử lý từ hố giảm tốc ra nguồn tiếp nhận (kích thước: dài 70 m x rộng 1,0 m x sâu 0,5 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 1 phía Tây Bắc mô (tọa độ 1.548.657, 560.838), thể tích khoảng 432 m³ (diện tích 144 m², sâu 3 m), hố giảm tốc số 2 phía Đông Nam mô (tọa độ 1.548.490; 561.069), thể tích khoảng 432 m³ (diện tích 144 m², sâu 3 m), hố giảm tốc số 3 phía Đông Bắc mô (tọa độ 1.548.602; 561.041), thể tích khoảng 165 m³ (diện tích 55 m², sâu 3 m) được gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây và Tây Bắc mô → mương thu gom phía Tây và Tây Bắc dài khoảng 197 m → hố giảm tốc số 1 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước ngoài mô dài khoảng 70 m → khe thoát nước hiện trạng phía Tây mô.

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc mô → mương thu gom phía Bắc dài khoảng 82 m → hố giảm tốc số 3 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thu gom phía Đông dài khoảng 83 m → hố giảm tốc số 2 → khe thoát nước hiện trạng phía Đông Nam mô.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông và phía Nam mô → mương thu gom phía Đông và phía Nam dài khoảng 273 m → hố giảm tốc số 2 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Đông Nam mô.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình san lấp (đặc biệt lưu ý đoạn qua khu dân cư và Trường Tiểu học Tây Thuận) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi.

- Duy trì và giữ vành đai cây xanh phía Bắc và phía Tây mô để giảm thiểu bụi đến Trường Tiểu học Tây Thuận và khu nghĩa địa.

- Bố trí thời gian khai thác phía Tây Nam mở diện tích khoảng 2.973 m² vào mùa hè (khi học sinh nghỉ học).

- Vệ sinh bánh xe khi ra khỏi khu mỏ (mương rửa bánh xe phía Tây mỏ, kích thước: dài 4,0 m x rộng 3,0 m x sâu 0,5 m), vệ sinh tuyến đường vận chuyển từ mỏ đến công trình san lấp.

- Không vận chuyển vào thời gian học sinh đến trường, tan trường (từ 11h - 13h30, 17h - 7h sáng hôm sau).

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi đất.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực mỏ				
1	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	4	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc Dự án
2	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	8.856	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Đông, Đông Bắc thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
3	San lấp mương thoát nước và hố giảm tốc	m ³	2.683	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
4	Tháo dỡ cống thoát nước	tấn	26,1		
5	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	34		
6	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	3,58	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác từng năm
7	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	3,58	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng
II	Khu vực ngoài mỏ				
8	Cải tạo tuyến đường đất hiện trạng	m ³	126	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày trước khi dự án đi vào khai thác và sau khi kết thúc Dự án.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **603.649.000 đồng**
(Sáu trăm lẻ ba triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 03 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 150.912.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 226.369.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dè xung quanh khu vực mỏ nhằm giảm thiểu sạt lở phía hạ lưu trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi.

- Bố trí khu vực điều tiết lưu lượng xe ra vào mỏ, không tập trung xe trên đường đất hiện trạng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

Giám sát bụi lơ lửng (TSP) 02 điểm tại Trường Tiểu học Tây Thuận phía Tây Nam và tuyến đường ĐT637 phía Tây dự án so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.